

VAN BI THÉP ANSI 150 LB

Nhãn Hiệu	DR
Tên Sản Phẩm	VAN BI TAY GẠT THÉP ĐÚC NỐI BÍCH CLASS 150
Kiểu Nối	Mặt bích ANSI Class 150 LB
Thân Van	Thép đúc ASTM A216 / WCB
Nắp Van	Thép đúc ASTM A216 / WCB
Trục Van	Thép không gỉ- Inox SUS 304 & SUS 316

Bi Van	Thép không gỉ- Inox SUS 304 & SUS 316
Đệm Kín	Ron TEFLON / PTFE
Áp Lực	Làm việc maximum 20kgf/cm^2
Kích Cỡ	DN 15A → DN 200A ~ (½'' inch → 8'' inch)
Sử Dụng	Gas, xăng, dầu, nước, khí nén, hơi nóng,...
Tình Trạng	Hàng có sẵn, mới 100%
Trang Số	32
Xuất Xứ	Đài Loan
Đơn Giá	Xin liên hệ

DR –VALVE

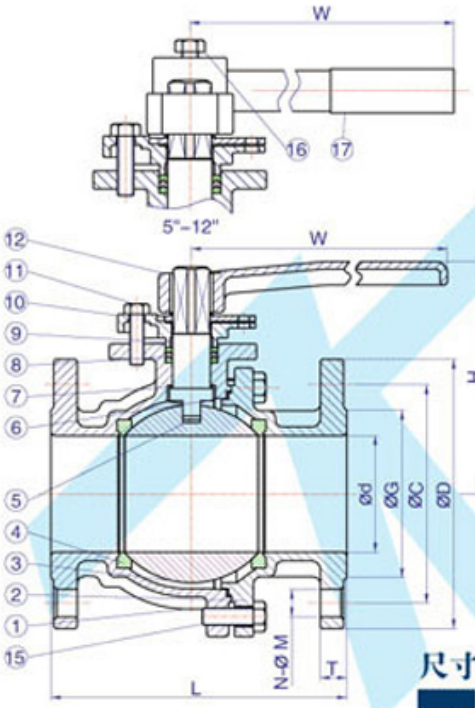


特徵 FEATURES

- 結構長度 FACE TO FACE DIMENSION:ANSI B16.10
- 法蘭規範 END FLANGE DIMENSION:ANSI B16.5
- 設計製造 DESIGN:ANSI B16.34
- 檢查與測試 TEST:API 598
- 帶ISO 5211平臺座 WITH ISO 5211 MOUNTING PAD
- 精密鑄造 INVESTMENT CASTING BODY
- 防爆軸心/全流量 BLOW-OUT PROOF STEM/FULL PORT
- 杠杆操作/齒輪操作 LEVER OPERATED OR GEAR OPERATED

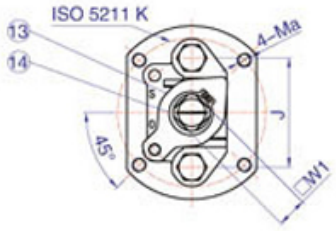
測試壓力 TEST PRESSURE

殼體(水) SHELL(BY WATER)		450PSI 32kg/cm²
閥座 SEAT	水 BY WATER	315PSI 22kg/cm²
	氣體 BY AIR	85PSI 6kg/cm²



材質表 MATERIALS LIST

NO.	部件名稱	PART NAME	材料 MATERIALS			
1	閥體	BODY	FC20	WCB	CF8	CF8M
2	閥蓋	CAP	FC20	WCB	CF8	CF8M
3	鋼球	BALL	CF8	CF8	CF8	CF8M
4	球墊	SEAT	PTFE			
5	軸心	STEM	SUS304	SUS304	SUS304	SUS316
6	大薄片	GASKET	PTFE			
7	小薄片	THRUST WASHER	PTFE			
8	中口	PACKING	PTFE			
9	牛楠襯套	STEM PACKING	PTFE			
10	牛楠	GLAND	CF8			
11	牛楠螺栓	GLAND BOLT	SUS304			
12	把手	HANDLE	WCB			
13	桃形擋片	STOPPER	SUS304			
14	C形扣環	SNAP RING	SUS304			
15	體蓋螺栓	BOLT	SUS304			
16	把手螺栓	HANDLE BOLT	SUS304			
17	把手套	PLASTIC COVER	PLASTIC			



尺寸表 DIMENSIONS

SIZE	d	D	C	G	T		N- ØM	L	H	W	W1	J	ISO 5211	K	Ma
					FC	SUS									
1/2"	15	89	60.5	35	12.1	12.1	4-Ø16	108	70	160	12	50	F04	42	M5
3/4"	20	98	70.0	43	12.7	12.1	4-Ø16	117	73	160	12	50	F04	42	M5
1"	25	108	79.5	51	14.3	12.1	4-Ø16	127	77	160	12	50	F05	50	M6
11/4"	32	117	89.5	64	14.9	12.7	4-Ø16	140	85	160	12	50	F05	50	M6
11/2"	40	127	98.5	73	17.5	14.3	4-Ø16	165	104	186	17	62	F07	70	M8
2"	50	152	120.5	92	19.1	15.9	4-Ø19	178	114	186	17	62	F07	70	M8
21/2"	65	178	139.5	105	22.3	17.5	4-Ø19	190	142	324	21	75	F07	70	M8
3"	80	190	152.5	127	23.9	19.1	4-Ø19	203	153	324	21	75	F10	102	M10
4"	100	229	190.5	157	23.9	23.9	8-Ø19	229	166	324	21	75	F10	102	M10
5"	125	254	216.0	186	23.9	23.9	8-Ø22	356	224	750	24	89	F12	125	M12
6"	150	279	241.5	216	25.4	25.4	8-Ø22	394	247	750	24	89	F12	125	M12
8"	200	343	298.5	270	28.6	28.6	8-Ø22	457	305	1000	32	100	F12	125	M12
10"	250	406	362.0	324	30.2	30.2	12-Ø25	533	327	1000	32	100	F14	140	M16
12"	300	483	432.0	381	31.8	31.8	12-Ø25	610	355	1000	32	100	F14	140	M16

Sản phẩm khác



Van cổng inox 304 nối hàn

Xem thêm Van cổng inox 304 nối hàn



Van cửa inox 304 nối hàn A182

Xem thêm Van cửa inox 304 nối hàn A182



Van cầu hơi inox a182

Xem thêm Van cầu hơi inox a182



Van cổng hàn lồng A105

Xem thêm Van cổng hàn lồng A105



Van hoi áp lực inox 304 nối hàn a105

Xem thêm Van hoi áp lực inox 304 nối hàn a105



Van cổng Mặt bích RF, A351-CF8M Class150

Xem thêm Van cổng Mặt bích RF, A351-CF8M Class150